

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SĨ THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ML01023: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(THE HISTORY OF VIETNAMESE COMMUNIST PARTY)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 7
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết 2 – Thực hành 0 - Tự học 4)**
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập
+ Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
- Giờ tự học: 60 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Khoa học Chính trị
 - Khoa: Khoa học xã hội
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
<input checked="" type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		

- Học phần tiên quyết: ML01005: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung CĐR1. Áp dụng KT khoa học tự nhiên, môi trường, XH và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Thú y	1.2. Áp dụng kiến thức khoa học XH và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Thú y
Kỹ năng chung CĐR5. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo, phương pháp suy luận dựa trên bằng chứng vào giải quyết các vấn đề của ngành thú y một cách hiệu quả	5.1. Thể hiện khả năng phản biện trong phân tích, đánh giá thông tin, dữ liệu 5.2. Thể hiện khả năng phản biện trong phân tích và đánh giá lập luận
Kỹ năng chuyên môn Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
CDR14. Định hướng tương lai rõ ràng và sẵn sàng học tập suốt đời	14.2. Nhận biết các cơ hội học tập để nâng cao kiến thức và năng lực 14.4. Thể hiện sự sẵn sàng tham gia học tập suốt đời

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

* **Mục tiêu:**

- Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến nay và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng.

- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích, đánh giá, vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

- Học phần hình thành cho người học thái độ tôn trọng sự thật khách quan của lịch sử, nâng cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; tạo niềm tin của người học đối với sự lãnh đạo của Đảng, trở thành công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT				
		1.2	5.1	5.2	14.2	14.4
ML010 23	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	M	R	P	P	R

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Mô tả sự ra đời và phát triển của Đảng cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay	1.2
K2	Đánh giá đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay và các bài học kinh nghiệm lớn của Đảng.	1.2
Kỹ năng		
K3	Xác định cơ sở hình thành các chủ trương, đường lối của Đảng và các bài học kinh nghiệm của Đảng trong các giai đoạn phát triển khác nhau của đất nước.	5.1, 5.2
K4	Vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn và phê phán quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng	5.1,5.2
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		

K5	Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan của lịch sử, nâng cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; tạo niềm tin của người học đối với sự lãnh đạo của Đảng, trở thành công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt.	14.2, 14.4
----	---	------------

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

ML01023. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (The history of Vietnamese communist party) (2TC: 2-0-4).

Học phần này gồm: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết trình	x	x	x		
Nêu vấn đề	x	x	x	x	x
Phát vấn		x	x	x	x
Đóng vai		x		x	x
Làm việc nhóm		x	x	x	x

2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng
- Nghiên cứu tài liệu
- Trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự lớp đủ số tiết theo quy định, chấp hành đúng nội quy học tập
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi lên lớp.
- Thi giữa kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thi giữa kì theo quy định
- Thi cuối kì: Để hoàn thành học phần, tất cả sinh viên phải thi cuối kì theo quy định

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2: Ma trận đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình			
Rubric 1: Tham dự lớp	K1, K2, K3	20	Theo kế hoạch của BQLĐT
Rubric 2: Thi giữa kỳ	K1, K2, K3, K4, K5	30	Theo kế hoạch của bộ môn
Đánh giá cuối kì			
Rubric 3: Thi cuối kì	K1, K2, K3, K4, K5	50	Theo kế hoạch của BQLĐT

Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 - 10 điểm (A)	Khá 6.5 – 8.4 điểm (C+, B, B+)	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm (D, D+, C)	Kém 0 – 3.9 điểm (F)
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Nghỉ ≤ 01 buổi học có phép	Nghỉ 02 buổi học có phép	Nghỉ 02 buổi học không phép	Nghỉ > 02 buổi học không phép

**Rubric 2: Đánh giá thi giữa kỳ
(Hình thức tự luận)**

NỘI DUNG KIỂM TRA

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1: Mô tả sự ra đời và phát triển của Đảng cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay	Chỉ báo 1: Phân tích Các phong trào yêu nước Chỉ báo 2: Phân tích Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị cho thành lập Đảng Chỉ báo 3: Phân tích Hội nghị thành lập Đảng Chỉ báo 4: Phân tích nội dung và những điểm sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên Chỉ báo 5: Phân tích nội dung Luận cương chính trị Chỉ báo 6: Phân tích hoàn cảnh lịch sử và chủ trương đấu tranh dân chủ dân sinh Chỉ báo 7: Phân tích hoàn cảnh lịch sử và chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng giai đoạn 1939-1941 Chỉ báo 8: Làm rõ tình cảnh “Ngàn cân treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam sau cách mạng tháng Tám Chỉ báo 9: Phân tích chủ trương “Kháng chiến kiến quốc” của Đảng Chỉ báo 10: Phân tích nội dung của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp trong giai đoạn đầu Chỉ báo 11: Phân tích nội dung của Chính cương Đảng Lao động Việt Nam Chỉ báo 12: Làm rõ nội dung của Nghị quyết TW 15(1/1959) Chỉ báo 13: Phân tích đặc điểm tình hình và nội dung đường lối kháng chiến chống ĐQ Mỹ xâm lược trong cả nước
K2: Đánh giá đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay và các bài học kinh nghiệm lớn của Đảng.	Chỉ báo 14: Phân tích Ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng Chỉ báo 15: Phân tích ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của cách mạng Tháng Tám 1945 Chỉ báo 16: Phân tích ý nghĩa của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp trong giai đoạn đầu Chỉ báo 17: Phân tích nội dung và ý nghĩa của Chính cương Đảng Lao động Việt Nam Chỉ báo 18: phân tích ý nghĩa và kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Chỉ báo 19: Làm rõ nội dung và ý nghĩa của Nghị quyết TW 15(1/1959) Chỉ báo 20: Phân tích ý nghĩa và kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
K3: Xác định cơ sở hình thành các chủ trương, đường lối của Đảng và các bài học kinh nghiệm của Đảng trong các giai đoạn phát triển khác nhau của đất nước	Chỉ báo 21: Làm rõ cơ sở hình thành chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng giai đoạn 1939-1941 Chỉ báo 22: Giải thích tại sao Đảng lại chủ trương phát động toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946 Chỉ báo 23: Phân tích cơ sở hình thành đường lối kháng chiến chống ĐQ Mỹ xâm lược trong cả nước

K4: Vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn và phê phán quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng	<p>Chỉ báo 22: Phân tích hạn chế và nguyên nhân hạn chế của Luận cương chính trị</p> <p>Chỉ báo 23: Phân tích và làm rõ quá trình phát triển nhận thức của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến 1975</p>
K5: Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan của lịch sử, nâng cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; tạo niềm tin của người học đối với sự lãnh đạo của Đảng, trở thành công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt.	<p>Chỉ báo 24: Trình bày nhận thức về ý nghĩa lịch sử những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam từ 1930 đến 1945</p> <p>Chỉ báo 25: Trình bày sự vận dụng kinh nghiệm lịch sử vào thực tiễn cuộc sống khi tìm hiểu về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ 1930- 1945</p>

Rubric 3: Đánh giá thi cuối kì
(Hình thức thi trắc nghiệm: 40 câu hỏi)
NỘI DUNG KIỂM TRA

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1: Mô tả sự ra đời và phát triển của Đảng cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay	<p>Chỉ báo 1: Phân tích Các phong trào yêu nước</p> <p>Chỉ báo 2: Phân tích Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị cho thành lập Đảng</p> <p>Chỉ báo 3: Phân tích Hội nghị thành lập Đảng</p> <p>Chỉ báo 4: Phân tích nội dung và những điểm sáng tạo của Cương lĩnh chính trị đầu tiên</p> <p>Chỉ báo 5: Phân tích nội dung Luận cương chính trị</p> <p>Chỉ báo 6: Phân tích hoàn cảnh lịch sử và chủ trương đấu tranh dân chủ dân sinh</p> <p>Chỉ báo 7: Phân tích hoàn cảnh lịch sử và chủ trương chuyên hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng giai đoạn 1939-1941</p> <p>Chỉ báo 8: Làm rõ tình cảnh “Ngàn cân treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam sau cách mạng tháng Tám</p> <p>Chỉ báo 9: Phân tích chủ trương “Kháng chiến kiến quốc” của Đảng</p> <p>Chỉ báo 10: Phân tích nội dung của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp trong giai đoạn đầu</p> <p>Chỉ báo 11: Phân tích nội dung của Chính cương Đảng Lao động Việt Nam</p> <p>Chỉ báo 12: Làm rõ nội dung của Nghị quyết TW 15(1/1959)</p> <p>Chỉ báo 13: Phân tích đặc điểm tình hình và nội dung đường lối kháng chiến chống ĐQ Mỹ xâm lược trong cả nước</p> <p>Chỉ báo 14: Trình bày chủ trương thống nhất nước nhà về mặt nhà nước 1975- 1976</p>

	<p>Chỉ báo 15: Phân tích hủ trương của Đảng và quá trình chỉ đạo thực hiện đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1976-1986</p> <p>Chỉ báo 16: Trình bày kết quả thực hiện đường lối của Đảng giai đoạn 1976-1986</p> <p>Chỉ báo 17: Phân tích hoàn cảnh lịch sử và nội dung trọng tâm, nổi bật của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12- 1986)</p> <p>Chỉ báo 18: Phân tích Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>Chỉ báo 19: Phân tích Nội dung trọng tâm, nổi bật của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6-1996)</p> <p>Chỉ báo 20: Trìn bày quá trình chỉ đạo của Đảng về bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 1996-2001</p> <p>Chi báo 21: Phân tích Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bổ sung và phát triển tại ĐH XII của Đảng</p> <p>Chỉ báo 22: Trinh bày nội dung Đại hội XIII của Đảng</p>
K2: Đánh giá đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay và các bài học kinh nghiệm lớn của Đảng.	<p>Chỉ báo 23: Phân tích Ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng</p> <p>Chỉ báo24: Phân tích ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của cách mạng Tháng Tám 1945</p> <p>Chi báo 25: Phân tích ý nghĩa của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp trong giai đoạn đầu</p> <p>Chỉ báo 26: Phân tích nội dung và ý nghĩa của Chính cương Đảng Lao động Việt Nam</p> <p>Chỉ báo 27: Phân tích ý nghĩa và kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p> <p>Chỉ báo 28: Làm rõ nội dung và ý nghĩa của Nghị quyết TW 15(1/1959)</p> <p>Chỉ báo 29: Phân tích ý nghĩa và kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p> <p>Chỉ báo 30: Phân tích ý nghĩa các Đại hội Đảng IV, VI, VIII</p> <p>Chỉ báo 31: Thành tựu, hạn chế của sự nghiệp đổi mới đất nước</p> <p>Chỉ báo 32: Phân tích bài học kinh nghiệm của thời kì đổi mới</p>

K3: Xác định cơ sở hình thành các chủ trương, đường lối của Đảng và các bài học kinh nghiệm của Đảng trong các giai đoạn phát triển khác nhau của đất nước	Chỉ báo 33: Làm rõ cơ sở hình thành chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng giai đoạn 1939-1941 Chỉ báo 34: Giải thích tại sao Đảng lại chủ trương phát động toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946 Chỉ báo 35: Phân tích cơ sở hình thành đường lối kháng chiến chống ĐQ Mỹ xâm lược trong cả nước Chỉ báo 36: Làm rõ cơ sở hình thành đường lối đổi mới của Đảng được xác định từ 1986 đến nay
K4: Vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn và phê phán quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng	Chỉ báo 37: Phân tích hạn chế và nguyên nhân hạn chế của Luận cương chính trị Chỉ báo 38: Phân tích và làm rõ quá trình phát triển nhận thức của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến 1975 Chỉ báo 39: Phân tích những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế trong công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay
K5: Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan của lịch sử, nâng cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; tạo niềm tin của người học đối với sự lãnh đạo của Đảng, trở thành công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt	Chỉ báo 40: Trình bày nhận thức về ý nghĩa lịch sử những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam từ 1930 đến 1945 Chỉ báo 41: Trình bày sự vận dụng kinh nghiệm lịch sử vào thực tiễn cuộc sống khi tìm hiểu về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ 1930- 1975 Chỉ báo 42: Những kinh nghiệm vận dụng vào thực tiễn cuộc sống và học tập khi tìm hiểu về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thời kì đổi mới.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các buổi học trên lớp: Theo quy định của Học viện.

Tham dự các bài thi: Không tham gia bài thi giữa kì thì không đủ điều kiện dự thi cuối kì.

Yêu cầu về đạo đức: Theo quy định của Học viện

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*.

* Tài liệu tham khảo khác

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Trường Chinh (1947), *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần

	Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam	
1	A/ Các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: Đối tượng (1 tiết) Phương pháp nghiên cứu, học tập (1 tiết)	K1, K2 K3, K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (4 tiết) Nhiệm vụ nghiên cứu Ý nghĩa việc học tập môn học	K5
	Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền 1930-1945	
1,2,3	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Bối cảnh lịch sử (1 tiết) 1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2 tiết) 1.4. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935 (1 tiết) 2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 (2 tiết)	K1, K2 K3, K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) 1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 1.5. Phong trào dân chủ 1936-1939 1.6. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945	K4
3,4,5	Chương 2 : Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (7 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền 1945 – 1946 (1 tiết) 2.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946-1950 (3 tiết) 2.5. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam- Bắc 1954-1965 (3 tiết)	K1, K2 K3, K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (14 tiết) 2.3. Đầy mạnh cuộc kháng chiến tới thắng lợi 1951-1954 2.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ 2.6. Lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975 2.7. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975	K4
6,7,8,9	Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước qua độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (12 tiết) Nội dung GD lý thuyết:	K1, K2 K3, K4, K5

	<p>3.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 (2 tiết) 3.3. Đổi mới toàn diện đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội 1986-1996 (5 tiết) 3.4 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 – 2018 (5 tiết)</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 tiết)</p> <p>3.2. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 3.4. Thành tựu, kinh nghiệm công cuộc đổi mới</p>	
9,10	<p>Kết luận: <i>Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng</i></p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết:</p> <p>4.1. Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (0.5 tiết) 4.3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1 tiết) 4.4. Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (0.5 tiết) 4.7. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1 tiết)</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết)</p> <p>4.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc bảo vệ Tổ quốc 4.5. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân do nhân dân và vì nhân dân 4.6. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế 4.8. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế</p>	K5 K1, K2 K3, K4, K5
		K5

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: đảm bảo đủ chỗ ngồi cho sinh viên và cung cấp đầy đủ thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, phấn, bảng
- E-learning

P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Vũ Hải Hải

K. TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Khánh Dư



PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁNG VIÊN GIÁNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Tạ Quang Giảng	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912.990.976
Email: tqgiang@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Hải Hà	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0906.089.508
Email: yhha@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Khánh Dư	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0976.298.898
Email: tkdu@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0978.742.945
Email: vttha@vnua.edu.vn ; hanghia1612@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage

Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hà Thị Hồng Yên	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0985.104.022
Email: htyen@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Thị Dung	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0984.581.292
Email: ltdung@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/xahoi/index.php/homepage
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc điện thoại	